

Hải Dương, ngày 19 tháng 04 năm 2019

## BÁO CÁO KẾT QUẢ

**“Khảo sát ý kiến sinh viên về hoạt động giảng dạy của giảng viên**

**Học kỳ I, năm học 2018-2019”**

### 1. Mục đích, yêu cầu, nội dung và đối tượng khảo sát

#### 1.1. Mục đích

a) Đối với Nhà trường:

- Đánh giá chất lượng hoạt động giảng dạy của giảng viên thông qua phản hồi của sinh viên.

- Góp phần thực hiện quy chế dân chủ trong cơ sở giáo dục và thực hiện nhiệm vụ đảm bảo chất lượng giáo dục thường xuyên.

- Giúp Ban Giám hiệu, các Khoa/Bộ môn có cơ sở để nhận xét, đánh giá và có kế hoạch bồi dưỡng cho giảng viên.

b) Đối với giảng viên:

- Tạo thêm kênh thông tin giúp giảng viên tự điều chỉnh hoạt động giảng dạy, hoàn thiện, phát huy năng lực giảng dạy về chuyên môn, tác phong sư phạm.

- Nâng cao tinh thần trách nhiệm của giảng viên trong việc thực hiện nhiệm vụ giảng dạy, mục tiêu đào tạo nhằm đảm bảo chất lượng giáo dục của Nhà trường.

c) Đối với sinh viên:

- Tăng cường tinh thần trách nhiệm của sinh viên trong học tập và rèn luyện bản thân.

- Đảm bảo quyền lợi cho sinh viên, tạo điều kiện để sinh viên được phản ánh nguyện vọng và thể hiện chính kiến về hoạt động giảng dạy của giảng viên.

#### 1.2. Yêu cầu của việc khảo sát

Công tác lấy ý kiến sinh viên được thực hiện theo quy trình cụ thể, công khai và phải tuân thủ theo những yêu cầu sau:

- Nội dung khảo sát phải đáp ứng yêu cầu Công văn số 7324/BGDDT-NGCBQLGD ngày 08/10/2013 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và công tác kiểm định chất lượng.

- Giảng viên và sinh viên phải được thông tin đầy đủ và hiểu rõ mục đích, ý nghĩa của việc khảo sát.

- Sinh viên phải trung thực, khách quan và có thái độ đúng mực trong việc cung cấp thông tin phản hồi về hoạt động giảng dạy của giảng viên.

- Thông tin phản hồi từ sinh viên về hoạt động giảng dạy của giảng viên phải được xử lý khách quan, trung thực, chính xác và phải được sử dụng đúng mục đích.

- Giảng viên phải tôn trọng, có tinh thần cầu thị trước kết quả xử lý thông tin phản hồi từ phía sinh viên về hoạt động giảng dạy của bản thân.

### 1.3. Nội dung khảo sát

- Công tác chuẩn bị giảng dạy, nội dung và phương pháp giảng dạy của sinh viên.
- Học liệu phục vụ giảng dạy, học tập và thời gian giảng dạy của sinh viên.
- Trách nhiệm và sự nhiệt tình của giảng viên đối với sinh viên.
- Khả năng của giảng viên trong việc khuyến khích sáng tạo và tư duy độc lập của sinh viên trong quá trình học tập.
- Sự công bằng của giảng viên trong kiểm tra đánh giá quá trình và đánh giá kết quả học tập của sinh viên.
- Năng lực của giảng viên trong tư vấn và tổ chức, hướng dẫn hoạt động học của sinh viên.
- Tác phong sư phạm của giảng viên.

### 1.4. Đối tượng thực hiện khảo sát

- Sinh viên ở trình độ đại học và cao đẳng hệ chính quy, vừa làm vừa học tham dự các học phần, môn học lý thuyết, thực hành được triển khai trong học kỳ I năm học 2018-2019 tại Trường Đại học Kỹ thuật Y tế Hải Dương.

## 2. Công cụ khảo sát, tiêu chí đánh giá xếp loại

- Phiếu khảo sát sử dụng thang đo Likert 04 mức độ:

1. Hoàn toàn không đồng ý (tương ứng với 1 điểm);
2. Không đồng ý (tương ứng với 2 điểm);
3. Đồng ý (tương ứng với 3 điểm);
4. Hoàn toàn đồng ý (tương ứng với 4 điểm)

Căn cứ vào số liệu có giá trị thống kê, sau khi xử lý thống kê, kết quả được phân loại như sau:

| TT | Điểm trung bình chung tích lũy | Mức ý kiến phản hồi | Hoạt động tiếp theo   |
|----|--------------------------------|---------------------|---|
| 1  | 3,60 - 4,00                    | Xuất sắc            | Tiếp tục duy trì và phát triển; phổ biến kinh nghiệm trong khoa, bộ môn     |
| 2  | 3,20 - 3,59                    | Tốt                 | Hoàn thiện nâng cao hơn nữa chất lượng giảng dạy                            |
| 3  | 2,50 - 3,19                    | Khá                 | Cải tiến hơn nữa để nâng cao chất lượng giảng dạy                           |
| 4  | 2,00 - 2,49                    | Trung bình          | Có kế hoạch cải thiện, tự bồi dưỡng nâng cao chất lượng giảng dạy           |
| 5  | < 2,00                         | Yếu                 | Cần khắc phục ngay và nhanh chóng có kế hoạch nâng cao chất lượng giảng dạy |

### 3. Kết quả

#### 3.1. Thông tin chung về hoạt động khảo sát đối với các học phần lý thuyết

Qua hoạt động khảo sát ý kiến sinh viên chính quy và VLvh về hoạt động giảng dạy của giảng viên Học kỳ I, năm học 2018-2019, tổng số học phần lý thuyết được đưa vào đánh giá là 122 học phần.

Tổng số học phần có số lượng sinh viên phản hồi > 50%: 122 học phần, đạt 100%.

**Bảng 1: Thông tin chung về hoạt động khảo sát đối với các học phần lý thuyết**

| TT                   | Khoa/bộ môn                | Số học phần LT | Số giảng viên | Số phiếu khảo sát | Kết quả đánh giá giảng viên (Tỷ lệ %) |              |              |
|----------------------|----------------------------|----------------|---------------|-------------------|---------------------------------------|--------------|--------------|
|                      |                            |                |               |                   | Xuất sắc                              | Tốt          | Khá          |
| 1                    | Khoa Y học cơ sở           | 7              | 7             | 2947              | 11.11                                 | 88.89        | 0            |
| 2                    | Khoa Điều dưỡng            | 5              | 4             | 362               | 12.5                                  | 75           | 12.5         |
| 3                    | Khoa Chẩn đoán hình ảnh    | 11             | 5             | 607               | 50                                    | 43.75        | 6.25         |
| 4                    | Khoa Y                     | 40             | 25            | 5409              | 14.89                                 | 74.46        | 10.65        |
| 5                    | Khoa Xét nghiệm            | 18             | 11            | 2858              | 19.35                                 | 77.41        | 3.24         |
| 6                    | Khoa YHDP/YTCC             | 9              | 10            | 1503              | 19.35                                 | 77.41        | 3.24         |
| 7                    | Khoa Phục hồi chức năng    | 14             | 6             | 822               | 11.76                                 | 70.58        | 17.64        |
| 8                    | BM Khoa học cơ bản         | 4              | 9             | 1391              | 6.25                                  | 75           | 18.75        |
| 9                    | BM Y sinh học và di truyền | 2              | 3             | 532               | 0                                     | 80           | 20           |
| 10                   | BM Ngoại ngữ               | 4              | 10            | 844               | 4.54                                  | 71.42        | 24.04        |
| 11                   | BM Chính trị/<br>GDTC/GDQP | 8              | 9             | 2350              | 35.29                                 | 64.71        | 0            |
| <b>Tổng Học kỳ I</b> |                            | <b>122</b>     | <b>99</b>     | <b>19625</b>      | <b>16.82</b>                          | <b>72.60</b> | <b>10.57</b> |

**Nhận xét:** Qua lấy ý kiến phản hồi của sinh viên chính quy và VLvh về hoạt động giảng dạy của giảng viên thông qua các học phần lý thuyết đã khảo sát được 99 giảng viên ở học kỳ I năm học 2018-2019 (tăng 10% so với học kỳ II và III năm học

2017-2018). Trong đó có 16,82% số giảng viên được sinh viên đánh giá đạt mức xuất sắc, 72.60 % giảng viên đạt mức tốt và 10.57 % đạt mức khá.

### **3.2. Thông tin chung về hoạt động khảo sát đối với các học phần thực hành.**

Qua hoạt động khảo sát ý kiến sinh viên chính quy và VLVH về hoạt động giảng dạy của giảng viên học kỳ I năm học 2018-2019, số học phần thực hành được đưa vào đánh giá là 47 học phần.

Số học phần thực hành có số lượng sinh viên phản hồi >50% là 47 học phần chiếm 100%.

**Bảng 2: Thông tin chung về hoạt động khảo sát các học phần thực hành**

| TT          | <b>Khoa/bộ môn</b>         | <b>Số học phần TH</b> | <b>Số giảng viên</b> | <b>Số phiếu khảo sát</b> | <b>Kết quả đánh giá giảng viên ( Tỷ lệ %)</b> |              |             |
|-------------|----------------------------|-----------------------|----------------------|--------------------------|---|--------------|-------------|
|             |                            |                       |                      |                          | <b>Xuất sắc</b>                               | <b>Tốt</b>   | <b>Khá</b>  |
| 1           | Khoa Y học cơ sở           | 5                     | 6                    | 352                      | 20  | 80           | 0           |
| 2           | BM Y sinh học và di truyền | 1                     | 3                    | 585                      | 20  | 60           | 20          |
| 3           | Khoa Chẩn đoán hình ảnh    | 21                    | 8                    | 726                      | 68.57   | 31.43        | 0           |
| 4           | Khoa Phục hồi chức năng    | 8                     | 7                    | 798                      | 40  | 60           | 0           |
| 5           | Khoa Xét nghiệm            | 7                     | 13                   | 626                      | 30  | 66.66        | 3.34        |
| 6           | BM Khoa học cơ bản         | 1                     | 3                    | 358                      | 0   | 100          | 0           |
| 7           | Khoa Điều dưỡng            | 4                     | 9                    | 155                      | 23.52   | 52.96        | 23.52       |
| <b>Tổng</b> |                            | <b>47</b>             | <b>49</b>            | <b>3600</b>              | <b>28.87</b>                                  | <b>64.44</b> | <b>6.69</b> |

**Nhận xét:** Qua lấy ý kiến phản hồi của sinh viên chính quy và VLVH về hoạt động giảng dạy của giảng viên thông qua các học phần thực hành đã khảo sát được 49

giảng viên ở học kỳ I. Trong đó có 28,87 % số giảng viên được sinh viên đánh giá đạt mức xuất sắc, 64,44 % giảng viên đạt mức tốt và 6,69 % đạt mức khá.

### 3.3. Kết quả khảo sát chung toàn trường đối với các học phần lý thuyết

**Bảng 3: Nội dung, chất lượng học phần đối với các học phần lý thuyết**

| Nội dung  | Hoàn toàn đồng ý (%) | Đồng ý (%) | Không đồng ý (%) | Hoàn toàn không đồng ý (%) | Điểm TB |
|---|----------------------|------------|------------------|----------------------------|---------|
| 1 Mục tiêu học phần nêu rõ kiến thức và kỹ năng sinh viên cần đạt được    | 35.62                | 61.73      | 1.87             | 0.78                       | 3.35    |
| 2 Thời lượng học phần được phân bổ hợp lý cho các hình thức học tập       | 35.62                | 61.05      | 2.19             | 0.80                       | 3.35    |
| 3 Nội dung, tài liệu tham khảo phù hợp với mục tiêu học phần              | 35.42                | 61.63      | 2.19             | 0.75                       | 3.36    |
| 4 Các câu hỏi/bài tập/tiêu luận giúp sinh viên đạt được mục tiêu học phần | 35.25                | 61.65      | 2.30             | 0.80                       | 3.37    |
| 5 Nội dung thi/kiểm tra phù hợp với mục tiêu, nội dung học phần           | 34.91                | 62.29      | 2.00             | 0.80                       | 3.37    |

**Nhận xét:** Từ kết quả bảng 3 cho ta thấy tất cả các tiêu chí đánh giá về nội dung, chất lượng học phần đối với học phần lý thuyết tại học kỳ I đều có tỷ lệ đồng ý và hoàn toàn đồng ý cao hơn 96% . Điểm trung bình các tiêu chí đều đạt mức độ tốt.

**Bảng 4: Hoạt động giảng dạy đối với các học phần lý thuyết**

| <b>Nội dung</b> |   | <b>Hoàn toàn đồng ý (%)</b> | <b>Đồng ý (%)</b> | <b>Không đồng ý (%)</b> | <b>Hoàn toàn không đồng ý (%)</b> | <b>Điểm TB</b> |
|-----------------|---|-----------------------------|-------------------|-------------------------|-----------------------------------|----------------|
| 1               | Giảng viên thực hiện thời gian lên lớp nghiêm túc, đúng quy định.   | 35.12                       | 62.46             | 1.57                    | 0.85                              | 3.36           |
| 2               | Giảng viên phổ biến đầy đủ mục tiêu, vị trí, yêu cầu và nội dung trọng tâm của học phần                     | 35.36                       | 61.87             | 1.97                    | 0.80                              | 3.36           |
| 3               | Phương pháp giảng dạy của giảng viên giúp pháp huy tính sáng tạo, khả năng nghiên cứu độc lập của sinh viên | 34.99                       | 61.42             | 2.78                    | 0.81                              | 3.39           |
| 4               | Giảng viên giải đáp đầy đủ và kỹ lưỡng các thắc mắc của sinh viên   | 35.37                       | 61.39             | 2.46                    | 0.78                              | 3.37           |
| 5               | Giảng viên truyền đạt rõ ràng, đầy đủ các nội dung học phần   | 35.32                       | 61.53             | 2.31                    | 0.84                              | 3.37           |
| 6               | Giảng viên quan tâm giáo dục đạo đức, nhân cách cho sinh viên   | 34.98                       | 62.18             | 2.06                    | 0.78                              | 3.37           |
| 7               | Giảng viên giúp sinh viên phát triển kỹ năng mềm như thuyết trình, làm việc nhóm                            | 35.12                       | 61.80             | 2.29                    | 0.78                              | 3.37           |
| 8               | Giảng viên sử dụng hiệu quả các phương tiện dạy học   | 35.48                       | 61.67             | 1.98                    | 0.87                              | 3.36           |

**Nhận xét:** Kết quả khảo sát sinh viên về hoạt động giảng dạy của giảng viên qua các học phần lý thuyết cho thấy có tiêu chí đánh giá đều có tỉ lệ đồng ý và hoàn toàn đồng ý cao hơn 96%. Tỷ lệ này cao hơn so với kết quả học kỳ II, III năm học 2017-2018 (từ 95% trở lên). Điểm trung bình các tiêu chí đều đạt mức tốt.

**Bảng 5: Hoạt động kiểm tra, đánh giá đối với các học phần lý thuyết**

| <b>Nội dung</b> |  | <b>Hoàn toàn đồng ý (%)</b> | <b>Đồng ý (%)</b> | <b>Không đồng ý (%)</b> | <b>Hoàn toàn không đồng ý (%)</b> | <b>Điểm TB</b> |
|-----------------|--|-----------------------------|-------------------|-------------------------|-----------------------------------|----------------|
| 1               | Các phương pháp kiểm tra, đánh giá kích thích việc học tập , tự nghiên cứu của sinh viên                       | 34.01                       | 63.09             | 2.10                    | 0.81                              | 3.39           |
| 2               | Nội dung thi/ kiểm tra phù hợp với mục tiêu, nội dung môn học.   | 34.91                       | 62.29             | 2.00                    | 0.80                              | 3.37           |
| 3               | Kết quả học tập của sinh viên được đánh giá bằng nhiều hình thức phù hợp với tính chất và đặc thù của môn học. | 35.04                       | 62.17             | 1.99                    | 0.80                              | 3.37           |
| 4               | Thông tin phản hồi từ kiểm tra đánh giá giúp sinh viên cải thiện kết quả học tập.                              | 34.86                       | 62.29             | 2.01                    | 0.84                              | 3.38           |
| 5               | Sinh viên được giải quyết khiếu nại thỏa đáng liên quan đến thi, kiểm tra                                      | 34.86                       | 62.40             | 1.93                    | 0.82                              | 3.37           |

**Nhận xét:** Kết quả khảo sát sinh viên về hoạt động kiểm tra, đánh giá của giảng viên qua các học phần lý thuyết cho thấy các tiêu chí đánh giá đều có tổng tỉ lệ đồng ý và rất đồng ý cao hơn 97%, đối sánh từng tiêu chí đánh giá đều cao hơn so với học kỳ II và III, năm học 2017-2018. Các tiêu chí đều có điểm trung bình đạt mức tốt.

### 3.4. Kết quả khảo sát chung toàn trường đối với các học phần thực hành

**Bảng 6: Nội dung, chất lượng học phần đối với các học phần thực hành**

| <b>Nội dung</b> |  | <b>Hoàn toàn<br/>không<br/>đồng ý<br/>(%)</b> | <b>Không<br/>đồng ý<br/>(%)</b> | <b>Đồng<br/>ý<br/>(%)</b> | <b>Hoàn<br/>toàn<br/>đồng ý<br/>(%)</b> | <b>Điểm<br/>TB</b> |
|-----------------|--|---|---------------------------------|---------------------------|---|--------------------|
| 1               | Đề cương chi tiết học phần có thể tiếp cận dễ dàng và thuận tiện                         | 0.15  | 0.65                            | 52.22                     | 46.98                                   | 3.46               |
| 2               | Mục tiêu học phần nêu rõ kiến thức và kỹ năng sinh viên cần đạt được                     | 0.09  | 0.12                            | 49.21                     | 50.58                                   | 3.5                |
| 3               | Thời lượng học phần được phân bổ hợp lý cho các hình thức học tập                        | 0.09  | 0.19                            | 48.65                     | 41.08                                   | 3.51               |
| 4               | Nội dung học phần có sự gắn kết, liền mạch với các học phần đã học, đang học             | 0.15  | 0.19                            | 48.06                     | 51.6                                    | 3.51               |
| 5               | Nội dung, tài liệu tham khảo phù hợp với mục tiêu học phần                               | 0.09  | 0.4                             | 48.4                      | 51.11                                   | 3.51               |
| 6               | Quy trình thực hành, trang thiết bị cập nhật, đáp ứng được nhu cầu học tập của sinh viên | 0.46  | 1.17                            | 47.88                     | 50.49                                   | 3.48               |
| 7               | Các quy trình thực hành giúp sinh viên đạt được mục tiêu học phần                        | 0.12  | 0.15                            | 46.18                     | 53.55                                   | 3.53               |
| 8               | Nội dung thi/kiểm tra phù hợp với mục tiêu, nội dung học phần                            | 0.12  | 0.22                            | 47.32                     | 52.34                                   | 3.52               |

**Nhận xét:** Từ kết quả ở bảng 6 cho ta thấy tất cả các tiêu chí đánh giá về nội dung, chất lượng học phần đối với các học phần thực hành tại học kỳ I đều có tỷ lệ đồng ý và hoàn toàn đồng ý cao hơn 98,37%. Điểm trung bình các tiêu chí đều đạt mức tốt.

**Bảng 7: Hoạt động giảng dạy đối với các học phần thực hành**

| <b>Nội dung</b> |   | <b>Hoàn toàn<br/>không<br/>đồng ý<br/>(%)</b> | <b>Không<br/>đồng ý<br/>(%)</b> | <b>Đồng<br/>ý<br/>(%)</b> | <b>Hoàn<br/>toàn<br/>đồng ý<br/>(%)</b> | <b>Điểm<br/>TB</b> |
|-----------------|---|---|---------------------------------|---------------------------|---|--------------------|
| 1               | Giảng viên thực hiện thời gian lên lớp nghiêm túc, đúng quy định  | 0.13  | 0.06                            | 46.89                     | 52.92                                   | 3.53               |
| 2               | Giảng viên phổ biến đầy đủ mục tiêu, vị trí, yêu cầu và nội dung trọng tâm của học phần                     | 0.09  | 0.22                            | 45.04                     | 54.65                                   | 3.54               |
| 3               | Phương pháp giảng dạy của giảng viên giúp phát huy tính sáng tạo, khả năng nghiên cứu độc lập của sinh viên | 0.16  | 0.37                            | 48.21                     | 51.26                                   | 3.51               |
| 4               | Giảng viên giải đáp đầy đủ và kỹ lưỡng các thắc mắc của sinh viên   | 0.12  | 0.19                            | 45.07                     | 54.62                                   | 3.54               |
| 5               | Giảng viên hướng dẫn sinh viên sử dụng trang thiết bị thực hành an toàn, đúng quy trình                     | 0.16  | 0.03                            | 46.21                     | 53.6                                    | 3.53               |
| 6               | Giảng viên luôn giám sát, uốn nắn, kèm cặp sinh viên thực hành và điều chỉnh kịp thời                       | 0.09  | 0.25                            | 48                        | 51.66                                   | 3.51               |
| 7               | Giảng viên luôn quan tâm giáo dục ý thức thực hành nghề nghiệp cho sinh viên                                | 0.15  | 0.28                            | 48.32                     | 51.26                                   | 3.51               |

**Nhận xét:** Kết quả khảo sát sinh viên về hoạt động giảng dạy của giảng viên qua các học phần thực hành học kỳ I cho thấy các tiêu chí đánh giá đều có tổng tỉ lệ đồng ý và rất đồng ý cao hơn 99,47% và điểm trung bình các tiêu chí đều từ 3.51 trở lên đạt mức tốt.

**Bảng 8: Hoạt động kiểm tra, đánh giá kết quả học tập đối với các học phần thực hành**

| Nội dung  | Hoàn toàn không đồng ý (%) | Không đồng ý (%) | Đồng ý (%) | Hoàn toàn đồng ý (%) | Điểm TB |
|---|----------------------------|------------------|------------|----------------------|---------|
| 1 Kết quả học tập của sinh viên được đánh giá bằng nhiều hình thức phù hợp với tính chất và đặc thù của môn học | 0.09                       | 0.31             | 47.91      | 51.69                | 3.51    |
| 2 Các phương pháp kiểm tra, đánh giá kích thích sinh viên tự học, tự nghiên cứu                                 | 0.06                       | 0.31             | 49.14      | 50.49                | 3.5     |
| 3 Kết quả kiểm tra đánh giá công bằng, khách quan   | 0.03                       | 0.25             | 47.66      | 52.06                | 3.52    |
| 4 Thông tin phản hồi từ kiểm tra đánh giá giúp sinh viên cải thiện kết quả học tập                              | 0.03                       | 0.22             | 47.16      | 52.59                | 3.52    |
| 5 Sinh viên được giải quyết khiếu nại thỏa đáng liên quan đến thi, kiểm tra                                     | 0.03                       | 0.19             | 47.62      | 52.16                | 3.52    |

**Nhận xét:** Kết quả khảo sát sinh viên về hoạt động kiểm tra, đánh giá kết quả học tập qua các học phần thực hành học kỳ I cho thấy các tiêu chí đánh giá đều có tổng tỉ lệ đồng ý và rất đồng ý cao hơn 99,6%, và điểm trung bình các tiêu chí đều từ 3.5 trở lên đạt mức tốt.

#### 4. Kết luận chung

##### 4.1. Một số kết quả đạt được:

- Có sự phối hợp tốt giữa các Phòng chức năng, Khoa Bộ môn trong việc vận động sinh viên tham gia đánh giá giảng viên. Kết quả 100% số học phần đưa vào đánh giá đều đạt tỷ lệ phản hồi cao.

- Đối với các khảo sát lấy ý kiến phản hồi của sinh viên về hoạt động giảng dạy các học phần lý thuyết:

+ Đã tiến hành khảo sát được 99 giảng viên giảng học phần lý thuyết ở học kỳ I năm học 2018-2019, trong đó có 16.82 % số giảng viên được sinh viên đánh giá đạt mức xuất sắc, 72.60 % giảng viên đạt mức tốt và 5.61 % đạt mức khá.

+ Tỉ lệ sinh viên đồng ý và hoàn toàn đồng ý với các tiêu chí đánh giá về nội dung học phần; hoạt động giảng dạy và hoạt động kiểm tra đánh giá của giảng viên toàn trường đều đạt mức tốt, hơn 96 %.

- Đối với khảo sát lấy ý kiến phản hồi của sinh viên về hoạt động giảng dạy các học phần thực hành:

+ Đã khảo sát được 49 giảng viên giảng học phần thực hành ở học kỳ I, trong đó có 28.87% số giảng viên được sinh viên đánh giá đạt mức xuất sắc, 64.44% giảng viên đạt mức tốt và 6.69 % đạt mức khá.

+ Tỉ lệ sinh viên đồng ý và hoàn toàn đồng ý với các tiêu chí đánh giá về nội dung học phần, hoạt động giảng dạy và hoạt động kiểm tra đánh giá của giảng viên toàn trường đạt mức tốt, hơn 98%.

#### 4.2. Một số vấn đề tồn tại:

- Phần mềm đánh giá giảng viên chưa thể đánh giá đồng thời nhiều giảng viên cùng một học phần. Vì vậy, một số giảng viên của Nhà trường chưa được sinh viên đánh giá.

- Phòng KT&ĐBCLĐT đã đổi mới phương pháp xử lý số liệu. Tuy nhiên vẫn cần nâng cấp phần mềm để giảm bớt thời gian xử lý số liệu và kết quả đánh giá giảng viên được hiệu quả hơn.

Theo kết quả báo cáo hoạt động khảo sát ý kiến của sinh viên chính quy và VLVH về hoạt động giảng dạy của giảng viên học kỳ I năm học 2018 - 2019, Hiệu trưởng yêu cầu: Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng đào tạo là đầu mối kết hợp với Phòng Quản lý đào tạo, Phòng Công tác quản lý sinh viên, Phòng Công nghệ thông tin, các Khoa/Bộ môn tiếp tục phối hợp chặt chẽ để đôn đốc sinh viên tham gia phản hồi đánh giá giảng viên trong các học kỳ tiếp theo. Đồng thời các Khoa/Bộ môn căn cứ kết quả khảo sát, xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng đào tạo cho học kỳ II, năm học 2018-2019 và những năm học tiếp theo. *Uuone*

#### Nơi nhận:

- Hội đồng Trường ;
- Ban Giám hiệu ;
- Các đơn vị;
- Lưu VT, KT&ĐBCLĐT.



**TS.Đinh Thị Diệu Hằng**